

Khung chương trình đào tạo

ngành Khoa học và Công nghệ Y Khoa

TT	Mã HP	Tên học phần bằng tiếng Việt	Số tín chỉ
I	Khối học phần cốt lõi		
1.1	HP đại cương		
1	MAT1.001	Giải tích 1	4
2	MST1.001	Vì sinh y học	3
3	PHY1.001	Vật lý đại cương 1	4
4	PHY1.002	Vật lý đại cương 2	4
5	CHE1.001	Hóa đại cương 1	4
6	CHE1.002	Hóa đại cương 2	4
7	CHE1.003	Hóa học hữu cơ	4
8	BIO1.001	Sinh học tế bào	4
9	BIO1.002	Di truyền học	3
10	BIO1.003	Hóa sinh	3
11	BIT2.007	Hóa hữu cơ 2	3
12	MST1.002	Ngôn ngữ lập trình và dữ liệu cho khoa học y sinh	4
1.2	HP chuyên ngành		
1	MST2.002	Sinh học tế bào nâng cao	3
2	MST2.001	Giải phẫu và sinh lý người	4
3	MST2.003	Mô và tế bào học	3
4	MST2.004	Sinh lý bệnh ở người	3
5	MST3.032	Bệnh học ở người	3
6	BIT2.002	Hóa sinh 2	4
7	MST2.037	Huyết học	3
8	BIT2.008	Lý thuyết Miễn dịch học	4
9	BIT2.011	Nhập môn Công nghệ sinh học tế bào động vật	3
10	MST3.001	Vật liệu y sinh	2
11	BIT3.005	Nhập môn Tế bào gốc	3
12	MST3.002	Kỹ thuật mô	3
13	MST3.035	Đạo đức trong nghiên cứu Y sinh học	2
14	MST2.036	Tin sinh học, trí tuệ nhân tạo và học máy trong y học	4
15	MST3.003	Công nghệ nano y sinh	3

TT	Mã HP	Tên học phần bằng tiếng Việt	Số tín chỉ
16	MST3.033	Dược lý và độc chất	3
17	MST3.022	Chẩn đoán hình ảnh	3
18	MST3.004	Cảm biến sinh học và ứng dụng	3
19	MST3.026	Thực tập	15
1.3	Học phần bổ trợ		
1	FR2.001	Tiếng Pháp 2.1	4
2	FR2.002	Tiếng Pháp 2.2	4
3	MS1.003	Những cơ sở về luật quốc tế và hệ thống luật Việt Nam	2
II	Khối học phần tự chọn 1		
1	PHI1.001	Triết học	3
2.1	Học phần lựa chọn định hướng Khoa học Y sinh		
1	MST2.006	Vi khuẩn y học	3
2	MST2.005	Nấm và Ký sinh trùng y học	3
3	MST2.007	Virut y học	3
4	BIT2.003	Hóa sinh phân tích	3
5	BIT2.001	Sinh học phân tử	4
6	BIT2.004	Thống kê sinh học	3
7	MST2.035	Phân tích dữ liệu lâm sàng	3
8	MST3.009	Chỉ thị phân tử cho xét nghiệm	3
9	BIT3.006	Nhập môn Công nghệ Sinh học Y học	3
10	BIT3.007	Công nghệ Protein	3
11	MST2.021	Di truyền và Bệnh ở người	3
12	MST3.010	Omics và Sinh học tính toán	3
17	BIT3.013	Nhập môn Khoa học thần kinh	2
14	MST3.012	Y học phân tử	3
15	MST3.008	Sinh học và xét nghiệm ung thư	4
16	MST3.031	Hóa sinh lâm sàng	3
2.2	Học phần lựa chọn định hướng Kỹ thuật Y sinh		
1	MST2.014	Điện tử	3
2	MST2.015	Điện tử số	3
3	MST2.011	Tín hiệu và hệ thống	3
4	MST2.013	Vật lý y học	3

TT	Mã HP	Tên học phần bằng tiếng Việt	Số tín chỉ
5	MST2.016	Tín hiệu y sinh và mạch điện tử	4
6	MST2.017	Xử lý tín hiệu sinh lý	3
7	MST2.038	Thực hành Điện tử Y sinh	3
8	MST3.014	Thiết bị Y tế	4
9	MST2.018	Giới thiệu về Ảnh y tế	3
10	MST2.019	Xử lý ảnh Y tế	3
11	MST3.039	Nhận thức sinh học và thị giác máy tính	3
12	MST3.030	Học sâu trong y học	3
13	MST3.021	Cơ sinh học	3
14	MST3.018	Xử lý và mô hình hóa tín hiệu y sinh	3
15	MST3.020	Robot y học và phục hồi chức năng	3
16	MST3.040	Hệ thống vi cơ điện tử trong y sinh	3
17	MST3.013	Hệ thống vi xử lý	3
18	MST3.037	Quang học Y sinh	3
III	Khối học phần tự chọn 2		
IV	Học phần điều kiện		
1	QP1.001	An ninh quốc phòng	0